

Số: 55/CBTT-VETVACO

Hà Nội, ngày 15... tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ trụ sở chính: Km 18 Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 861337 - Fax: 02433 861799 - Email: info@vetvaco.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bùi Tuấn Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: ☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2025 tại đường dẫn www.vetvaco.com.vn, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT;
- Lưu VT



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh**

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG VET VA CO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

0222
NG
HIỆM
IÁN VÀ
ỆT I
ẤY

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

đính kèm báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Phạm Thanh Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)

Ban Tổng giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024 và Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ngày 31/5/2024)
Ông Trần Thắng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)
Ông Nguyễn Đức Vinh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Đào Quang Thụ	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

đính kèm báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Bùi Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Số: 3103.04-25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi để xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, tạm ứng tồn đọng qua nhiều năm tài chính với tổng giá trị tại ngày 31/12/2024 là 1,5 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 là 1,5 tỷ đồng). Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản phải trả khác tại ngày 31/12/2024 với số tiền 36,1 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 là 29,5 tỷ đồng). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp của các khoản công nợ Phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2024 là 7,05 tỷ đồng (31/12/2023 là 8,7 tỷ đồng), Tạm ứng tại ngày 31/12/2024 là 306 triệu đồng (31/12/2023 là 171 triệu đồng), Trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2024 là 809 triệu đồng (31/12/2023 là 437 triệu đồng), Phải trả người bán tại ngày 31/12/2024 là 1,7 tỷ đồng (31/12/2023 là 2,06 tỷ đồng). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I với giá trị 2,7 tỷ đồng theo Hợp đồng vay vốn TDDTPT số 01/2007/HĐTD ngày 27/6/2007 đã tồn đọng nhiều năm dẫn đến ảnh hưởng đến chỉ số tín nhiệm và Công ty khó có khả năng tiếp cận khoản vay với các tổ chức tín dụng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty đã lỗ 14,7 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 6,02 tỷ đồng. Tại thời điểm kiểm toán, khoản công nợ phải trả với Công ty Boehringer Ingelheim (nhà cung cấp chính) đã quá hạn chưa được thanh toán với tổng giá trị 17,9 tỷ đồng (tương ứng 724.211 USD). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, và do đó, Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ vấn đề này.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc tập hợp chi phí và giá thành thành phẩm nhập kho. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27/03/2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Kim Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5196-2022-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.085.088.439	88.765.555.544
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	17.084.911.557	22.951.606.838
1 Tiền	111		17.084.911.557	22.951.606.838
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.882.955.092	19.210.978.228
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	11.492.892.383	18.269.033.977
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	817.163.684	561.956.907
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	1.723.949.389	1.295.520.802
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(1.151.050.364)	(915.533.458)
IV Hàng tồn kho	140	V.6.	51.488.510.100	45.025.539.279
1 Hàng tồn kho	141		67.578.109.110	56.921.319.467
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.089.599.010)	(11.895.780.188)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.628.711.690	1.577.431.199
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.224.417.718	1.157.064.614
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	404.293.972	420.366.585
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.115.481.431	25.250.957.793
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		18.506.014.432	23.900.341.826
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	18.100.423.807	23.417.126.201
- Nguyên giá	222		152.153.732.044	152.086.913.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.053.308.237)	(128.669.787.661)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	405.590.625	483.215.625
- Nguyên giá	228		833.605.560	833.605.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(428.014.935)	(350.389.935)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		609.466.999	1.350.615.967
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	609.466.999	1.350.615.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.200.569.870	114.016.513.337

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C NỢ PHẢI TRẢ	300		78.181.712.934	75.220.740.673
I Nợ ngắn hạn	310		78.181.712.934	75.220.740.673
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	33.398.205.282	37.445.929.879
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	151.560.326	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	-	8.650.000
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	39.780.478.637	32.934.692.105
5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		V.14.	200.000.000	200.000.000
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.651.468.689	4.631.468.689
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.018.856.936	38.795.772.664
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	24.018.856.936	38.795.772.664
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		6.365.453.044	6.365.453.044
3 Cổ phiếu quỹ (*)	415		(234.900.000)	(234.900.000)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		15.942.298.061	15.942.298.061
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		676.469.277	676.469.277
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.730.463.446)	(19.953.547.718)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(19.953.547.718)	159.982.316
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		102.200.569.870	114.016.513.337

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hường

Nguyễn Thị Hường

Bùi Tuấn Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	93.912.918.536	84.323.463.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		93.912.918.536	84.323.463.977
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	93.755.556.676	84.329.954.039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		157.361.860	(6.490.062)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	456.702.427	97.183.290
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.078.820.823	1.364.605.358
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.960.359	28.285.080
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	6.995.560.696	10.381.694.219
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	13.142.526.410	8.494.199.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(20.602.843.642)	(20.149.805.696)
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	6.034.469.463	75.466.864
12. Chi phí khác	32	VI.6.	208.541.549	39.191.202
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		5.825.927.914	36.275.662
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(4.115)	(5.601)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Bùi Tuấn Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.461.145.576	6.010.961.513
- Các khoản dự phòng	03	4.429.335.728	12.045.528.175
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	789.355.420	669.813.095
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(217.266.596)	(32.293.290)
- Chi phí lãi vay	06	28.960.359	28.285.080
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.285.385.241)	(1.391.235.461)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.041.225.739	4.118.114.456
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.656.789.643)	(15.171.217.601)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.121.780.831	15.364.607.125
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	741.148.968	210.847.368
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	20.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.018.019.346)	3.131.115.887
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(66.818.182)	(1.432.218.520)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	217.266.596	32.293.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	150.448.414	(1.399.925.230)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(5.867.570.932)	1.731.190.657
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.951.606.838	21.220.135.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	875.651	281.119
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.01	17.084.911.557	22.951.606.838

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Bùi Tuấn Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Thuốc thú y Trung Ương được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500237656 ngày 23 tháng 02 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định số 32 NN - TCCB/QĐ ngày 08/01/1993. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 25/01/2014 và Quyết định số 2895/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Công ty đã có 7 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500237656 thay đổi lần thứ 07 ngày 05/06/2024 thì vốn điều lệ của Công ty là **36.000.000.000 đồng** (Ba mươi sáu tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là VXP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại thuốc thú y và cung cấp dịch vụ bảo quản thuốc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất công nghiệp thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Xuất nhập khẩu thuốc thú y, vật tư, thiết bị sản xuất thuốc thú y.

Trụ sở Công ty tại: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 159 người (tại ngày 31/12/2023: 188 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc

03 - 15

Máy móc, thiết bị

03 - 20

Phương tiện vận tải

02 - 06

Thiết bị, dụng cụ quản lý

01 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 - 05 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo trì phòng sạch, chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đây là các chi phí phát sinh một lần, có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thuốc thú y, doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thuốc thú y, doanh thu cung cấp dịch vụ bảo quản thuốc và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh vắc xin thú y và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	2.321.783	223.336.485
Tiền gửi ngân hàng	17.082.589.774	22.728.270.353
Cộng	17.084.911.557	22.951.606.838

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Bắc Kạn	-	-	1.997.025.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung ương Navetco	2.182.523.175	-	-	-

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Japfa	-	-	2.919.525.000	-
Comfeed Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai 4				
Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam	2.283.658.650	-	1.534.437.450	-
Đối tượng khác	7.026.710.558	(992.162.164)	11.818.046.527	(915.533.458)
Cộng	11.492.892.383	(992.162.164)	18.269.033.977	(915.533.458)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV tháng 8 - Chi nhánh Phòng cháy chữa cháy Nguyễn Thị Vinh	110.000.000	110.000.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Nhật Duy	-	105.000.000
Công ty TNHH Phát triển Khoa học sự sống	90.000.000	90.000.000
Đối tượng khác	21.744.000	86.758.000
	595.419.684	170.198.907
Cộng	817.163.684	561.956.907

4. Phải thu khác

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.168.538.639	(158.888.200)	1.196.734.857	-
Nguyễn Văn Thiện	250.311.439	-	101.505.000	-
Phạm Thị Thu Hằng	197.210.000	-	124.760.887	-
Nguyễn Văn Sơn	170.000.000	-	108.829.600	-
Trần Đức Anh	150.000.000	-	98.412.000	-
Bùi Tuấn Anh	-	-	158.625.170	-
Các đối tượng khác	401.017.200	(158.888.200)	604.602.200	-
Phải thu khác	2.096.472	-	2.196.472	-
Ký quỹ, ký cược	553.314.278	-	96.589.473	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đan Phượng - Tây Đô	319.000.927	-	22.829.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	234.313.351	-	73.760.473	-
Cộng	1.723.949.389	(158.888.200)	1.295.520.802	-

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
<i>Phải thu khách hàng</i>	992.162.164	-	915.533.458	-
Hoàng Ngọc Tú	499.159.958	-	499.159.958	-
Công ty CP thức ăn chăn nuôi Thái Dương	416.373.500	-	416.373.500	-
Công ty CP Giống và thức ăn chăn nuôi Cao Bằng	42.500.000	-	-	-
Công ty CP thuốc thú y TW1	15.785.436	-	-	-
Công ty TNHH Phong Phú	11.230.759	-	-	-
Trạm Vũ Thư	4.987.500	-	-	-
Trung tâm kiểm nghiệm thuốc thú TW 1	2.125.011	-	-	-
<i>Tạm ứng</i>	158.888.200	-	-	-
Bùi Doãn Mùi	108.385.000	-	-	-
Cao Văn Phương	50.503.200	-	-	-
Cộng	1.151.050.364	-	915.533.458	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.056.649.805	(7.087.764.343)	15.189.073.399	-
Công cụ, dụng cụ	103.500.000	-	128.200.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.039.450.447	-	11.605.265.285	-
Thành phẩm	16.657.769.987	(9.001.834.667)	15.777.444.870	-
Hàng hóa	138.571.429	-	11.899.657.127	(11.895.780.188)
Hàng gửi bán	2.582.167.442	-	2.321.678.786	-
Cộng	67.578.109.110	(16.089.599.010)	56.921.319.467	(11.895.780.188)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Chi phí bảo trì phòng sạch	376.200.913	991.802.413
Chi phí sửa chữa	233.266.086	358.813.554
Cộng	609.466.999	1.350.615.967

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý		Đơn vị tính: VND
				Thiết bị dụng cụ	Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2024	73.226.146.881	72.496.473.383	5.495.341.240	868.952.358	152.086.913.862	
Mua trong năm	-	66.818.182	-	-	66.818.182	
Số dư ngày 31/12/2024	73.226.146.881	72.563.291.565	5.495.341.240	868.952.358	152.153.732.044	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2024	66.564.061.579	55.816.703.099	5.495.341.220	793.681.763	128.669.787.661	
Khấu hao trong năm	1.957.720.620	3.394.152.341	20	31.647.595	5.383.520.576	
Số dư ngày 31/12/2024	68.521.782.199	59.210.855.440	5.495.341.240	825.329.358	134.053.308.237	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	6.662.085.302	16.679.770.284	20	75.270.595	23.417.126.201	
Tại ngày 31/12/2024	4.704.364.682	13.352.436.125	-	43.623.000	18.100.423.807	

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 89.273.480.592 VND.

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư ngày 01/01/2024	833.605.560	833.605.560
Số dư ngày 31/12/2024	833.605.560	833.605.560
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2024	350.389.935	350.389.935
Khấu hao trong năm	77.625.000	77.625.000
Số dư ngày 31/12/2024	428.014.935	428.014.935
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	483.215.625	483.215.625
Tại ngày 31/12/2024	405.590.625	405.590.625

10. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Boehringer Ingelheim	30.040.476.782	30.040.476.782	29.992.879.308	29.992.879.308
Công ty CP Đầu tư Liên doanh Việt Anh	-	-	1.363.200.000	1.363.200.000
Các đối tượng khác	3.357.728.500	3.357.728.500	6.089.850.571	6.089.850.571
Cộng	33.398.205.282	33.398.205.282	37.445.929.879	37.445.929.879

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP phát triển sinh học Hoàng Long	16.560.000	-
Lê Thị Lan	132.287.587	-
Các đối tượng khác	2.712.739	-
Cộng	151.560.326	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.702.592.761	2.702.592.761	-
Thuế nhập khẩu	-	5.867.296	5.867.296	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.650.000	21.750.000	30.400.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.898.661.650	5.898.661.650	-
Các loại thuế khác	-	179.417.190	179.417.190	-
Cộng	8.650.000	8.808.288.897	8.816.938.897	-
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	14.416.013	14.416.013	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	404.293.972	-	-	404.293.972
Thuế tài nguyên	1.656.600	6.739.200	5.082.600	-
Cộng	420.366.585	21.155.213	5.082.600	404.293.972

13. Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	74.211.572	54.988.246
Phải trả về cổ phần hóa	300.000.000	300.000.000
Cổ tức phải trả	163.406.977	163.406.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.242.860.088	32.416.296.882
Lãi vay phải trả	221.331.584	192.371.225
Hàng dự trữ Quốc gia, hàng mượn các chi cục khác (*)	36.119.037.515	29.510.637.168
Các đối tượng khác	2.902.490.989	2.713.288.489
Cộng	39.780.478.637	32.934.692.105

(*) Nguồn tiền ước tính để bù đắp cho lượng hàng dự trữ quốc gia, lượng hàng mượn các chi cục khác mà Công ty đã xuất đảo, luân chuyển hóa chất sắt trùng và vắcxin các loại dự trữ quốc gia để đảm bảo chất lượng và hạn sử dụng trong quá trình dự trữ. Công ty ước tính nguồn tiền này trên cơ sở ước tính giá thành sản xuất (giá nhập hàng và chi phí hoàn thành các công đoạn sau đó) dựa vào dữ liệu quá khứ và đánh giá tính khả thi của quá trình mua hàng, hoàn thành các công đoạn trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vũ Thu Thủy (*)	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000

(*) Hợp đồng số HĐ 3/2014\XVN\HĐGT ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay là 0,63%/tháng, thời hạn 3 tháng. Nếu hết hạn hợp đồng và hai bên không có thoả thuận nào khác thì khoản vay sẽ tự động gia hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	36.000.000.000	6.365.453.044	676.469.277	(234.900.000)	159.982.316	42.967.004.637
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(20.113.530.034)	(20.113.530.034)
Số dư tại ngày 31/12/2023	36.000.000.000	6.365.453.044	676.469.277	(234.900.000)	(19.953.547.718)	22.853.474.603
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(14.776.915.728)	(14.776.915.728)
Số dư tại ngày 31/12/2024	36.000.000.000	6.365.453.044	676.469.277	(234.900.000)	(34.730.463.446)	8.076.558.875

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	23.400.000.000	23.400.000.000
Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer	8.584.000.000	8.584.000.000
Các cổ đông khác	4.016.000.000	4.016.000.000
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.000	9.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000	9.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.591.000	3.591.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.591.000	3.591.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	15.942.298.061	-	-	15.942.298.061
Cộng	15.942.298.061	-	-	15.942.298.061

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngoại tệ các loại:</i>		
Dollar Mỹ (USD)	623,09	631,34

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hoá, vật tư	4.665.004.726	2.334.570.137
Doanh thu bán thành phẩm	89.247.913.810	81.122.509.862
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	866.383.978
Cộng	93.912.918.536	84.323.463.977

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, vật tư	4.514.433.556	2.322.159.132
Giá vốn thành phẩm	69.303.070.164	70.067.777.519
Giá vốn dịch vụ	-	44.237.200
Giá vốn hàng huỷ	3.848.453.947	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.089.599.009	11.895.780.188
Cộng	93.755.556.676	84.329.954.039

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	217.266.596	32.293.290
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	239.435.831	64.890.000
Cộng	456.702.427	97.183.290

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.960.359	28.285.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	261.380.695	666.507.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	788.479.769	669.813.095
Cộng	1.078.820.823	1.364.605.358

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	5.947.890.094	-
Thu nhập khác	86.579.369	75.466.864
Cộng	6.034.469.463	75.466.864

6. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực thuế	51.122.705	-
Chi phí các hóa đơn bỏ trốn	85.863.612	-
Chi phí khác	71.555.232	39.191.202
Cộng	208.541.549	39.191.202

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	6.995.560.696	10.381.694.219
Chi phí nhân viên	631.975.179	946.562.359
Chi phí vật liệu, bao bì	553.211.036	3.470.950.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	65.191.605	63.795.996
Chi phí bằng tiền khác	5.745.182.876	5.900.385.864
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	13.142.526.410	8.494.199.347
Chi phí nhân viên quản lý	3.235.294.696	3.112.884.403
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	7.093.714.719	2.733.839.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.033.239	-
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	221.592.303	481.085.400
Thuế, phí và lệ phí	48.218.217	192.575.127
Chi phí dự phòng	235.516.906	149.747.987
Chi phí bằng tiền khác	2.292.156.330	1.824.067.060
Cộng	20.138.087.106	18.875.893.566

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.558.660.550	58.907.132.372
Chi phí nhân công	12.206.941.399	12.113.100.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.461.145.576	6.010.961.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.151.545.998	11.125.139.959
Chi phí khác bằng tiền	17.335.759.664	6.938.031.961
Cộng	74.714.053.187	95.094.366.109

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	208.541.549	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.568.374.179)	(20.113.530.034)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(14.776.915.728)	(20.113.530.034)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.591.000	3.591.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.115)	(5.601)

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer
Ông Nguyễn Ngọc Nam

Ông Bùi Tuấn Anh
Ông Nguyễn Hiếu Liêm
Ông Phạm Thanh Long

Ông Nguyễn Tuấn Hùng

Ông Trần Thắng

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Cổ đông chiến lược
Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Nguyễn Đức Vinh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 24/01/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Đào Quang Thụ	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Bà Lưu Thị Loan	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Bà Bùi Thị Quyên	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024, Miễn nhiệm ngày 24/01/2025)
Bà Nguyễn Thị Lua	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)
Bà Bùi Thị Thu Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hoàng Trúc Linh	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tạm ứng		
Ông Bùi Tuấn Anh	1.596.367.595	4.025.272.450
Hoàn ứng		
Ông Bùi Tuấn Anh	1.850.992.765	3.785.647.280

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tạm ứng		
Ông Bùi Tuấn Anh	-	254.625.170

b) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị, Ban	Tổng giám đốc	750.530.836	614.213.465
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024) kiêm Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	127.536.961	31.896.485
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	119.683.561	31.896.485

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Ông Phạm Thanh Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	71.334.674	135.398.055
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024) kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	64.426.975	122.327.653
Bà Nguyễn Phương Lan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/11/2023)	-	84.532.580
Ông Trần Thắng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)	68.481.200	-
Ông Nguyễn Đức Vinh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)	99.134.694	16.128.339
Ông Đào Quang Thụ	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	43.355.471	101.621.662
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	40.920.161	-
Bà Lưu Thị Loan	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	48.399.539	90.412.206
Bà Bùi Thị Quyên	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024, Miễn nhiệm ngày 24/01/2025)	67.257.600	-
Ban Kiểm soát		138.477.990	-
Bà Nguyễn Thị Lụa	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)	53.441.226	-
Bà Bùi Thị Thu Phương	Thành viên	85.036.763	-
Cộng		889.008.826	614.213.465

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty CP Thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hường

Nguyễn Thị Hường

Bùi Tuấn Anh